

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮKLẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10 / 2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 07/8/2019.

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thành Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Quán.

2. Ông Bành Trọng Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hiệt – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Khánh– Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Ea Súp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXX-ST ngày 04 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2019/ QĐST- HNGĐ ngày 22/7/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Hồng V, sinh năm 1992. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Duy T sinh năm 1989. (Vắng mặt lần thứ hai)

Cùng trú tại: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; Bản tự khai và biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Trần Thị Hồng V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh T chung sống với nhau từ năm 2015, có tổ chức lễ cưới theo phong tục có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05/01/2015, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống, nên dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi vã, anh T thường xuyên đánh bạc, ham chơi không quan tâm đến vợ con, chị V đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không được. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Nay mâu thuẫn đã qua trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm nữa, không thể chung sống với nhau được nữa nên chị V kiên quyết xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 30/9/2015. Chị V có nguyện vọng xin được nuôi cháu K cho đến tuổi trưởng thành. Chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Chị V tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn khởi kiện; Bản tự khai và biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn bị đơn anh Nguyễn Duy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị V tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn như lời trình bày của chị V là đúng, vợ chồng anh T trong cuộc sống cũng có xảy ra một số mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình quan điểm không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, không có sự quan tâm chia sẻ, do công việc của anh T gặp nhiều khó khăn, không có thời gian chăm sóc vợ con và do áp lực tác động bên ngoài nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng. Anh T thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình chưa tới mức phải dẫn đến ly hôn. Anh còn thương yêu vợ con anh muốn đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con cái. Vì vậy anh T không đồng ý ly hôn với chị V.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị V trình bày là đúng. Anh T có nguyện vọng xin được nuôi cháu K cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ kiện, Tòa án huyện Ea Súp đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị Trần Thị Hồng V và anh Nguyễn Duy T khi còn sinh sống tại: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Qua xác minh tại địa phương thì được biết chị V và anh T trong cuộc sống thì đôi lúc có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã với nhau, nguyên nhân cụ thể thì chính quyền địa phương không nắm rõ. Hiện nay anh T với chị V đã sống ly thân với nhau, chị V về sinh sống với bố mẹ đẻ, còn anh T thì thường xuyên đi làm ăn xa, lâu lâu mới về nhà.

Quá trình giải quyết vụ án, các lần hòa giải bản thân chị V nhất quyết xin được ly hôn với anh T, còn anh T cho rằng tình cảm giữa anh T với chị V vẫn còn, mâu thuẫn gia đình chỉ là mâu thuẫn nhỏ nên anh T không đồng ý ly hôn với chị V. Về con

chung thì cả anh T và chị V đều có nguyện vọng nuôi con chung. Do các bên đương sự không thỏa thuận được toàn bộ nội dung vụ án vì vậy Tòa án nhân dân huyện Ea Súp đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Sau khi thụ lý vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Ra quyết định xét xử, tổng đạt hợp lệ quyết định xét xử và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng, trong quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn chấp hành nhưng tại phiên bị đơn anh T không chấp hành quy định của pháp luật, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị V

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Vụ kiện giữa nguyên đơn chị Trần Thị Hồng V và bị đơn anh Nguyễn Duy T là vụ kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tòa án nhận thấy chị Trần Thị Hồng V và anh Nguyễn Duy T kết hôn trên cơ sở tình yêu và tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05/01/2015 theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, do bất đồng về quan điểm sống, lối sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, anh T trong công việc làm ăn gặp khó khăn nên không có sự quan tâm đến vợ con, dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Anh T mong muốn đoàn tụ gia đình nhưng chị V kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh T vì cho rằng vợ chồng không còn tình cảm, đã sống ly thân một thời gian dài. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu cứ kéo dài hôn nhân của các bên cũng không thể mang lại hạnh phúc cho nhau. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 luật Hôn nhân & Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V, cho chị V được ly hôn với anh T là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị V và anh T thống nhất có một con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 30/9/2015. Khi ly hôn chị V và anh T đều có nguyện vọng nuôi cháu K.

Để đảm bảo ổn định cuộc sống và các điều kiện phát triển tinh thần của cháu K. Giữa chị V và anh T không thống nhất được về việc nuôi con khi ly hôn nên Hội đồng xét xử quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng. Về điều kiện nuôi con thì xét thấy chị V đủ điều kiện nuôi con hơn, công việc ổn định. Còn anh T thường xuyên đi làm ăn xa nên điều kiện chăm sóc con sẽ gặp khó khăn, đồng thời cháu K đang còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ hơn. Hội đồng xét xử nhận thấy nên giao cháu K cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và điều kiện thực tế.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy chị V tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung..

[6] Về chia tài sản và nợ: Chị V và anh T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử chấp nhận và không đặt ra giải quyết trong vụ án này về phần chia tài sản và phần nợ. Tuy nhiên, nếu sau này giữa có phát sinh tranh chấp về chia tài sản và nợ mà không tự thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình: Anh T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 47 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147, Điều 203 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân & Gia đình; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: - *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Trần Thị Hồng V được ly hôn với anh Nguyễn Duy T.

- *Về nuôi con chung*: Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Trần Thị Hồng V. Giao cho chị Trần Thị Hồng V được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Nguyễn Minh K, sinh ngày 30/9/2015 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở anh Tâm thực hiện quyền này.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- *Về án phí*: Chị Trần Thị Hồng V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị V đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0012504 ngày 15/02/2019.

- Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- VKS huyện EaSúp;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện E;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Thành Huế